

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 196/2023/DS-GĐT

Ngày: 13/9/2023

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức Xuân.

Các Thẩm phán: Ông Võ Văn Khoa.

Bà Huỳnh Thanh Duyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Trí - Thẩm tra viên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Công Thành - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 13 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa:

1. Nguyên đơn: Bà **Bùi Thị Cẩm T**, sinh năm 1973. Địa chỉ: Số X/1 ấp B 1, xã B, huyện TT, tỉnh L.

2. Bị đơn:

2.1. Ông **Nguyễn Ngọc TH**, sinh năm 1978;

2.2. Bà **Vũ Thị Xuân H**, sinh năm 1980.

Cùng trú địa chỉ: Số XB, Quốc lộ 1, khu phố TX, Phường 5, thành phố A, tỉnh L.

Người đại diện theo ủy quyền của ông **Nguyễn Ngọc TH**: Ông **Phạm Văn V**, sinh năm 1971; địa chỉ: Số X, Đường số Z, khu đô thị V, phường H, thành phố T, Thành phố H (Văn bản ủy quyền ngày 19/10/2022).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Lê Văn B**, sinh năm 1957. Địa chỉ: Ấp N, xã H, huyện C, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 19/10/2020 (Tòa án thụ lý vụ án ngày 22/3/2022) và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Bùi Thị Cẩm T trình bày:

Do có mối quan hệ thân thiết nên bà T có cho vợ chồng ông Nguyễn Ngọc TH, bà Vũ Thị Xuân H vay tiền nhiều lần, cụ thể:

- *Lần 01:* khoảng 16 giờ ngày 29/6/2019 tại nhà của bà, bà có cho vợ chồng ông TH, bà H mượn 180.000.000 đồng, hai bên không làm giấy mượn tiền nhưng có người làm chứng là bà Nguyễn Thị Thùy Trang. Ông TH hẹn 10 ngày trả tính kể từ ngày vay, lãi suất thỏa thuận 5.000 đồng/1.000.000đồng/ngày.

- *Lần 02:* ngày 01/7/2019, ông TH mượn 50.000.000 đồng và ngày 07/7/2019 mượn tiếp 50.000.000 đồng; số tiền này do bà và vợ chồng ông TH, bà H cùng đến nhà bà Phạm Thị Kim TR mượn và để lấy tiền (bà mượn tiền của bà TR để cho ông TH, bà H mượn lại), hai bên không làm giấy mượn tiền. Ông TH hẹn trả trong vòng 01 tháng kể từ ngày vay, lãi suất thỏa thuận là 10%/tháng.

- *Lần 03:* ngày 24/7/2019, ông TH mượn 80.000.000 đồng, hai bên không làm giấy mượn tiền, nhưng vợ chồng ông TH, bà H mượn tiền thì có ông Vũ Hồng CH (là anh của bà H) đi cùng chứng kiến, nội dung vay tiền để lấy sổ đỏ của ông CH ra để làm thủ tục sang tên cho bà H, và hẹn trả trong vòng 10 ngày, lãi suất thỏa thuận 5.000đồng/1.000.000đồng/ngày.

- *Lần 04:* ngày 28/8/2019, bà cho ông TH mượn 160.000.000 đồng, không làm giấy tờ và hẹn trả trong vòng 03 ngày kể từ ngày vay, lãi suất thỏa thuận 5.000đồng/1.000.000đồng/ngày.

- *Lần 05:* ngày 29/8/2019 ông TH, bà H mượn bà 350.000.000 đồng, mục đích để trả tiền cho ông Trần Trung D, việc giao nhận tiền tại Công ty TNHH AT, hai bên không làm giấy tờ nhưng có ông D chứng kiến. Ông TH hẹn trả trong vòng 05 ngày kể từ ngày vay, lãi suất thỏa thuận 5.000đồng/1.000.000đồng/ngày.

- *Lần 06:* ngày 06/9/2019, ông TH mượn 10.000.000 đồng tại nhà bà, hai bên không làm giấy tờ, mục đích nói là cho nhân viên ngân hàng. Ông TH hẹn trả trong vòng 01 ngày kể từ ngày vay, lãi suất thỏa thuận 5.000đồng/1.000.000đồng/ngày.

Ngoài ra, ông TH còn mượn tiền của bà để mua 01 máy hàn, 01 lồng gà với số tiền 6.500.000 đồng.

Tổng cộng ông TH và bà H đã mượn của bà 886.000.000 đồng, do chỗ quen biết nên không có làm giấy mượn tiền, đến nay ông TH và bà H không trả số tiền gốc, lãi cho bà. Tại đơn khởi kiện ngày 19/10/2020 bà yêu cầu vợ chồng

ông TH, bà H phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà 886.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà xác định chỉ yêu cầu ông TH, bà H trả số tiền 510.000.000 đồng là các khoản 160.000.000 đồng mượn ngày 28/8/2019 và 350.000.000 đồng mượn ngày 29/8/2019. Bà xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với các khoản khác và sẽ khởi kiện sau bằng vụ án khác.

Tại biên bản làm việc ngày 20/12/2019 tại Công an huyện TT, tỉnh L, ông Nguyễn Ngọc TH trình bày:

Ông không mượn tiền của bà T. Số tiền trên do bà T và ông Lê Văn B tự tiêu xài. Đối với số tiền mượn lần 05 là 160.000.000 đồng và lần 06 là 350.000.000 đồng thì bà T tự mua 03 xe đào, hiện tại xe này còn đang ở Công ty của ông TH ấp 5, xã Nhị Thành, huyện TT, tỉnh L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn B trình bày:

Ông và bà T chung sống như vợ chồng từ đầu năm 2018 đến nay, không có đăng ký kết hôn. Việc ông TH mượn tiền của bà T ông biết và có chứng kiến. Cụ thể:

Ngày 24/7/2019 lúc khoảng 10 giờ sáng ông TH có đi cùng ông Vũ Hồng CH là anh ruột của bà H đến nhà gặp trực tiếp ông và bà T để mượn số tiền 80.000.000 đồng. Khi đó ông có hỏi vay để làm gì thì ông TH nói vay để trả ngân hàng ở Kiên Tường để ông CH lấy sổ đỏ ra rồi sang tên cho ông TH.

Ngày 28/8/2019, vào buổi trưa bà H có đến nhà gặp trực tiếp ông và nói cần gặp bà T để mượn thêm 160.000.000 đồng, ông đã gọi bà T ra và ông có chứng kiến bà T có giao số tiền 160.000.000 đồng cho bà H đếm và nhận. Còn việc đi Phú Quốc với vợ chồng ông TH, bà H là do ông TH có nhờ ông đi xem đất và làm giấy tờ do ông có mối quan hệ rộng. Chi phí đi lại, ăn nghỉ, ở khách sạn 03 ngày do ông TH chi trả, ngoài ra ông không có nhận số tiền nào từ ông TH. Ông B xác định không có yêu cầu gì trong vụ án.

Vào ngày 29/8/2019 vào buổi chiều tối ông và bà T có mang số tiền 350.000.000 đồng từ nhà bà T đến Công ty TNHH AT để đưa tiền cho ông TH, bà H. Khi ông và bà T đến thì ông TH điện thoại cho ông D đến nhận tiền vì nói trước đó đã mượn tiền của ông D. Khi đó bà T đã giao số tiền 350.000.000 đồng cho vợ chồng ông TH, bà H và vợ chồng ông TH, bà H đã giao số tiền lại cho ông D trước mặt ông và bà T.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2022/DS-ST ngày 22/8/2022, Tòa án nhân dân thành phố A, tỉnh L quyết định (*tóm tắt*):

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Cẩm T.

Buộc ông Nguyễn Ngọc TH và bà Vũ Thị Xuân H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Bùi Thị Cẩm T số tiền 510.000.000 đồng.

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà T đối với yêu cầu ông TH và bà H trả số tiền tổng cộng 376.000.000 đồng do bà T tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện.

Ngoài ra bản án còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo.

Ngày 27/9/2022, ông TH và bà H kháng cáo.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 374/2022/DS-PT ngày 12/12/2022, Tòa án nhân dân tỉnh L quyết định: *Giữ nguyên bản án sơ thẩm.*

Bản án phúc thẩm còn tuyên về án phí và hiệu lực thi hành của bản án.

Ngày 19/4/2023, ông TH và bà H có đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm đối với bản án phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định số 156/QĐ-VKS-DS ngày 12/7/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 374/2022/DS-PT ngày 12/12/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh L, đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm theo hướng hủy toàn bộ bản án phúc thẩm và bản án sơ thẩm nêu trên. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Hồ sơ vụ án thể hiện:

Trước khi khởi kiện tại Tòa án, bà T tố cáo ông TH có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản số tiền 886.500.000 đồng và tiền lãi 379.250.000 đồng tại Cơ quan điều tra Công an huyện TT. Quá trình giải quyết, Cơ quan điều tra xác định là giao dịch dân sự nên có văn bản đề nghị bà T khởi kiện tại Tòa án. Bà T khởi kiện tại Tòa án yêu cầu ông TH trả tiền gốc đã vay 07 lần tổng cộng 886.000.000 đồng, Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh L thụ lý vụ án để giải quyết ngày 02/11/2020. Do ông TH đang sinh sống, đăng ký tạm trú tại 155B khu phố TX, Phường 5, thành phố A, tỉnh L nên ngày 28/4/2020, Tòa án nhân dân huyện TT có quyết định chuyển vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố A giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 07/7/2022, bà T chỉ yêu cầu ông TH trả tổng cộng 510.000.000 đồng (tiền vay gốc ngày 28/8/2019 là 160.000.000 đồng và tiền vay gốc ngày 29/8/2019 là 350.000.000 đồng); các khoản tiền còn lại không yêu cầu, bà sẽ khởi kiện trong vụ án khác. Lý do vay số tiền lớn và thời

hạn vay trả chỉ có thời gian ngắn, ông TH chưa trả bà đã cho vay tiếp do hàng xóm quen biết lâu năm, ông TH đang làm thủ tục cắt chuyển quyền sử dụng đất của cha ông TH cho, hẹn khi nào ông TH đứng tên sẽ trả hết nên bà tin tưởng.

Theo giấy chứng nhận doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh L cấp, Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu AT (*sau đây viết tắt là Công ty AT*) được cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp lần đầu ngày 03/7/2019 đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 01/10/2019; do ông Nguyễn Ngọc TH làm giám đốc; Công ty đang hoạt động và có địa chỉ trụ sở tại Ấp 5, xã Nhị Thành, huyện TT, tỉnh L.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn là ông TH, bà H vắng mặt; tại phiên tòa sơ thẩm, bà T, ông B (Tuấn) và những người làm chứng đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Xét thấy quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng về việc thu thập chứng cứ chưa đầy đủ; nhiều chứng cứ chưa được chứng minh làm rõ dẫn đến việc ra quyết định không phù hợp với những tình tiết khách quan của vụ án, cụ thể:

[2.1] Đối với Tòa án cấp sơ thẩm:

Về số tiền bà T trình bày cho ông TH vay ngày 28/8/2019 là 160.000.000 đồng: tại Biên bản lấy lời khai của Tòa án ngày 07/01/2021, bà T trình bày ông TH trực tiếp đến nhà bà để hỏi mượn 160.000.000 đồng, khoảng 01 tiếng sau thì bà H đến nhận tiền. Tuy nhiên, lời khai tại Công an huyện TT ngày 12/11/2019 bà T lại trình bày ông TH điện thoại mượn tiền, sau đó bà H tới nhận tiền.

Về số tiền bà T trình bày cho ông TH vay ngày 29/8/2019 là 350.000.000 đồng: bà Thu trình bày tại Biên bản lấy lời khai của Tòa án ngày 07/01/2021, khoảng 12 giờ ngày 29/8/2019 ông TH điện thoại mượn 350.000.000 đồng để đi mua xe, khoảng 20 giờ cùng ngày, bà đến Công ty của ông TH và giao tiền, có ông Trần Trung D chứng kiến. Ông TH sau khi nhận tiền đưa cho ông D (là người ông TH thuê đất làm trụ sở Công ty). Tuy nhiên tại Cơ quan điều tra, tại Biên bản ghi lời khai ngày 12/11/2019 và Biên bản làm việc ngày 20/12/2019 (BL 18, 140), bà T lại trình bày ngày ông TH vay là ngày 29/9/2019 (*chênh lệch thời gian 01 tháng so với quá trình làm việc tại Tòa án khai ngày 29/8/2019*), khi đưa tiền cho ông TH không đề cập đến sự có mặt của bà H; Trong khi ông B lại trình bày vào buổi chiều, ông và bà T tới Công ty của ông TH để đưa tiền. Khi đưa tiền cho ông TH, có mặt bà H là vợ ông TH và có mặt ông D. Ông TH nói mượn tiền của ông D nên kêu ông D đến nhận tiền. Ông Trần Trung D lại trình bày ông có nhận của ông TH 350.000.000 đồng do ông TH trả. Ông TH mượn buổi sáng thì trả vào buổi chiều, ông không nhớ lúc trả có mặt ông B và bà T hay không.

Như vậy, về cách thức mượn số tiền 160.000.000 đồng; về thời gian bà T trình bày đưa số tiền 350.000.000 đồng cho ông TH vay tại Công ty AT, cũng như số người có mặt khi các bên giao nhận tiền có mâu thuẫn, không thống nhất giữa lời trình bày của bà T với ông B, ông D nhưng chưa được Tòa án cấp sơ thẩm chứng minh, làm rõ.

[2.2] Bà T trình bày toàn bộ 07 khoản tiền ông TH vay tổng cộng 886.000.000 đồng đều không có giấy tờ ký nhận với ông TH, bà có ghi vào sổ riêng; ông TH có thừa nhận từng khoản nợ của bà trong tin nhắn điện thoại di động và cung cấp các bản in tin nhắn từ điện thoại chứng minh (nội dung tin nhắn không rõ ràng). Tòa án cấp sơ thẩm không làm rõ nội dung các bản in này do bà T cung cấp có đúng từ điện thoại di động của ông TH sử dụng gửi hay không và yêu cầu bà T giải trình các tin nhắn liên quan đến việc cho ông TH vay từng khoản tiền là thu thập chứng cứ chưa đầy đủ.

[2.3] Quá trình giải quyết tại Cơ quan điều tra Công an huyện TT, ông TH trình bày giữa ông và bà T có mối quan hệ hôn nhân; bà T mua 03 máy đào, máy ủi về gửi tại Công ty của ông và hiện 03 xe này còn tại Công ty. Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Công ty AT vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để làm rõ bà T cho vay tiền hay hôn nhân, mua máy xe về gửi ông TH bán là bỏ sót người tham gia tố tụng.

Trong quá trình xét xử phúc thẩm và khiếu nại giám đốc thẩm, bà H trình bày bà không tham gia vào việc kinh doanh của ông TH tại Công ty AT, không lần nào tham gia trực tiếp mượn hoặc nhận tiền của bà T.

[2.4] Đối với Tòa án cấp phúc thẩm:

Tòa án cấp phúc thẩm mở phiên tòa xét xử ngày 06/12/2022, tuyên án ngày 12/12/2022 (có mặt người đại diện theo ủy quyền của ông TH là ông Phạm Văn V và bà Vũ Thị Xuân H; bà T). Tại cấp sơ thẩm, bà T trình bày bà cho vay số tiền lớn và thời hạn vay trả chỉ có thời gian ngắn, ông TH chưa trả bà đã cho vay tiếp do hàng xóm quen biết lâu năm, ông TH đang làm thủ tục cắt chuyển quyền sử dụng đất của cha ông TH cho, hẹn khi nào ông TH đứng tên sẽ trả hết nên bà tin tưởng. Tuy nhiên, tại Tòa án cấp phúc thẩm bà T lại trình bày do ông TH nói Công ty đang thuê đất ở đây và sẽ mua lại miếng đất này nên bà tin tưởng cho vay, không yêu cầu viết giấy. Người đại diện theo ủy quyền của ông TH là ông V có Bản trình bày ý kiến về những mâu thuẫn giữa lời trình bày của bà T với ông B và những người làm chứng khác. Tòa án cấp phúc thẩm không phát hiện ra những sai sót của Tòa án cấp sơ thẩm như mục [2.1] đã nêu để làm rõ, giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật là thiếu sót.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T trình bày có cung cấp cho Tòa án đoạn ghi âm cuộc nói chuyện giữa bà và ông TH, ông TH thừa nhận có mượn của bà tổng số tiền hơn 800.000.000 đồng và 900.000.000 đồng. Mặc dù có người đại diện theo ủy quyền của ông TH có mặt, nhưng Tòa án cấp phúc thẩm không hỏi làm

rõ có phải ông TH nói trong đoạn ghi âm không? Nếu có thì nội dung nhận tổng nợ như bà T trình bày có đúng không? Tổng tiền nợ là những khoản tiền gì? Tiền vay hay tiền nợ trong quá trình hùn làm ăn...là xem xét, đánh giá chứng cứ chưa đầy đủ và toàn diện.

Tại cấp phúc thẩm, bà H trình bày không liên quan gì đến việc làm ăn giữa ông TH và bà T, không nhận khoản tiền nào của bà T trong khi có nhiều mâu thuẫn giữa lời trình bày của bà T với ông B và những người làm chứng như mục [2.1] đã nêu; Tòa án cấp phúc thẩm nhận định đối với kháng cáo của bà H: *“giữa bà và ông Nguyễn Ngọc TH vẫn tồn tại quan hệ vợ chồng nên án sơ thẩm buộc bà cùng có trách nhiệm trả nợ cho bà Bùi Thị Cẩm T là có căn cứ pháp luật”*. Nhận định của Tòa án cấp phúc thẩm trong khi nhiều chứng cứ chưa được chứng minh làm rõ như trên là chưa có căn cứ vững chắc.

[3] Trong quá trình khiếu nại giám đốc thẩm, ông Nguyễn Ngọc TH cung cấp Vi bằng được lập ngày 04/4/2023 của Văn phòng Thừa phát lại Sài Gòn của ông Võ Văn Hào và ông Nguyễn Ngọc Sang với nội dung: Ông Võ Văn Hào trình bày ông là người chuyên kinh doanh mua bán các loại xe công cụ sản xuất đã qua sử dụng. Khoảng cuối tháng 8/2019, bà Bùi Thị Cẩm T và ông Lê Văn B có mua của ông 02 con xe đào và 01 xe ủi đất giá 510.000.000 đồng. Thanh toán 02 lần bằng tiền mặt là hai ngày liên tiếp...Bà T, ông B đã thuê ông Sang là người lái xe cẩu đến cẩu 03 xe đi gửi tại bãi xe Công ty AT tại địa chỉ Ấp 5, xã Nhị Thành, huyện TT, tỉnh L do ông TH làm giám đốc. Ông Nguyễn Ngọc Sang trình bày bà T và ông B tự xưng làm thanh tra chính phủ, trực tiếp thuê ông cẩu 03 xe mua của ông Hào từ huyện Vĩnh Hưng, tỉnh L về bãi xe của Công ty AT do ông TH làm giám đốc, tiền công hứa hôm sau sẽ thanh toán, do không thấy thanh toán ông mới đi tìm và biết họ tên, địa chỉ nhưng không gặp. Ông có gặp ông TH thì được biết bà T, ông B gửi xe chỗ ông TH bán, ông TH nói lúc nào bán được ông TH sẽ trừ tiền cho.

Quá trình giải quyết lại vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm cần làm rõ nội dung này để giải quyết vụ án đúng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 325; điểm a khoản 1 Điều 337; khoản 3 Điều 343; Điều 348 và Điều 349 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1/ Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 156/QĐ-VKS-DS ngày 12/7/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 374/2022/DS-PT ngày 12/12/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh L và Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2022/DS-ST ngày 22/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố A, tỉnh L xét xử vụ

án: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” giữa nguyên đơn là bà Bùi Thị Cẩm T với bị đơn là ông Nguyễn Ngọc TH và bà Vũ Thị Xuân H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn B.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố A, tỉnh L giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định pháp luật.

3/ Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra quyết định./.

Nơi nhận:

- Chánh án (*để báo cáo*);
- Vụ pháp chế và QLKH-TANDTC (*để biết*);
- VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh L;
- TAND thành phố A (*kèm hồ sơ vụ án*);
- Chi Cục THADS thành phố A;
- Các đương sự (*theo địa chỉ*);
- Lưu: VT (VP, GDKT II, THS), hồ sơ vụ án_15b

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Đức Xuân